TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 29 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2018
Về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông **Lý Công Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Diệp Hồng Châu**

2. Ông **Hà Quốc Tuấn**

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông **Nguyễn Chí Hướng** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Kiến Thức** – Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2018 về việc "ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/ QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 04/6/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Kim Thị Đ**, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp BB, xã LT, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

* *Bị đơn:* Ông **Dương Hoàng T**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp BB, xã LT, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

* Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì nguyên đơn bà Kim Thị Đ trình bày: Bà và ông Dương Hoàng T kết hôn với nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Liêu Tú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/4/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 04 năm, đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường hay cãi nhau và ông T thường hay đánh bà nên đến đầu năm 2017 thì ông T về nhà cha mẹ ruột sống và hai vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay; Trong thời gian chung sống bà và ông T có 01 con chung tên Dương Khánh B, sinh ngày 16/12/2012, hiện nay Khánh B đang sống với bà; Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: Không có.

Nay bà Kim Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Dương Hoàng T; Về con chung: Bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Dương Khánh B đến trưởng thành và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Dương Hoàng T trình bày tại biên bản lấy khai, biên bản hòa giải tại Tòa án thì ông T thừa nhận về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung như bà Đ trình bày là đúng nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng hay cãi nhau chứ ông không có đánh đập bà Đ và ông khẳng định không có tài sản chung cũng như nợ chung như bà Đ trình bày là đúng. Qua yêu cầu khởi kiện của bà Đ thì ông đồng ý ly hôn; Về con chung ông yêu cầu được nuôi cháu B đến trưởng thành và cũng không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 13/3/2018, bà Kim Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Dương Hoàng T có nơi cư trú tại ấp Bưng Buối, xã LT, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Dương Hoàng T vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Kim Thị Đ:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị Đ và ông Dương Hoàng T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Liêu Tú cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/4/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông T là hợp pháp nhưng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng không hợp nhau, hay cãi nhau nên đến cuối năm 2016 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân,

vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà Đ làm đơn khởi kiện để xin ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng bà Đ ông T đoàn tụ với nhau nhưng không thành và ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Đ. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Đ, ông T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà Kim Thị Đ xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Kim Thị Đ và ông Dương Hoàng T.

[6] Về quan hệ con chung: Bà Kim Thị Đ và ông Dương Hoàng T có 01 con chung tên Dương Khánh B, sinh ngày 16/12/2012 và hiện nay đang sống chung với bà Đ, bà Đ và ông T đều có nguyện vọng xin được nuôi cháu B và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nếu được nuôi cháu B. Xét thấy, từ ngày bà Đ và ông T ly thân cho đến ngày hôm nay cháu B sống chung với bà Đ do bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng vẫn đảm bảo cuộc sống mọi mặt của cháu và để cháu B không bị ảnh hưởng môi trường sống, ảnh hưởng tâm sinh lý sau khi cha mẹ ly hôn nghĩ nên giao cháu cho bà Đ nuôi dưỡng là hợp lý theo đúng quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con bà Đ có thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi cháu B đến trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Kim Thị Đ và ông Dương Hoàng T khẳng định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Kim Thị Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Dương Hoàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Dương Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà Kim Thị Đ và bị đơn ông Dương Hoàng T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho bà Kim Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Kim Thị Đ và ông Dương Hoàng T là Dương Khánh B, sinh ngày 16/12/2012 đến khi thành niên (hiện nay cháu B sống chung với bà Kim Thị Đ).

- Ông Dương Hoàng T không phải cấp dưỡng cho Dương Kháng B

- Ông Dương Hoàng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Dương Khánh B mà không ai được cản trở. Ông Dương Hoàng T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Dương Khánh B của bà Kim Thị Đ.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Kim Thị Đ và ông Dương Hoàng T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kim Thị Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009540, ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, bà Đ đã thực hiện xong.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Dương Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn Dương Hoàng T.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKS huyện Trần Đề;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Trần Đề,
- UBND xã LT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lý Công Minh